Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 2844.30.90

Mã HS	2844.30.90
Mô tả hàng hóa	Các nguyên tố hóa học phóng xạ và các đồng vị phóng xạ (kể cả các nguyên tố hóa học và các đồng vị có khả năng phân hạch hoặc làm giầu) và các hợp chất của chúng; hỗn hợp và các phế liệu có chứa các sản phẩm trên / - Urani đã được làm nghèo thành U 235 và các hợp chất của nó; thori và các hợp chất của nó; hợp kim, các chất phân tán (kể cả gốm kim loại), sản phẩm gốm kim loại và các hỗn hợp chứa urani đã được làm nghèo thành U 235, thori hoặc các hợp chất của các sản phẩm trên: / - - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	04/11/2026 04:04:58
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/28443090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K3726
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N3726
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q3726
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E3706
ATIGA	2022	2022	0	AT!E3667
ATIGA	2023	2023	0	AT!F3667
ATIGA	2024	2024	0	AT!G3667
ATIGA	2025	2025	0	AT!H3667
ATIGA	2026	2026	0	AT!I3667
ATIGA	2027	2027	0	AT!J3667
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E3705
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F3705
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G3705
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H3705

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I3705
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J3705
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E3709
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F3709
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G3709
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H3709
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I3709
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J3709
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F3709
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H3673
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F3669
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G3669
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H3669
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I3669
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J3669
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K3669
VKFTA	2022	2022	0	VK!E3669
VKFTA	2023	2023	0	VK!F3669
VKFTA	2024	2024	0	VK!G3669
VKFTA	2025	2025	0	VK!H3669
VKFTA	2026	2026	0	VK!I3669
VKFTA	2027	2027	0	VK!J3669
VCFTA	2022	2022	0	VC!D3716
VCFTA	2023	2023	0	VC!E3716
VCFTA	2024	2024	0	VC!F3716
VCFTA	2025	2025	0	VC!G3716

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H3716
VCFTA	2027	2027	0	VC!I3716
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D3713
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E3713
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F3713
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G3713
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H3713
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I3713
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D3721
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E3721
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F3721
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G3721
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H3721
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I3721
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D3692
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E3692
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F3692
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G3692
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H3692
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I3692
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D3694
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E3694
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F3694
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G3694
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H3694
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I3694

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D3692
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E3692
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F3692
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G3692
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H3692
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I3692
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J3692
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D3713
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E3713
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F3713
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G3713
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H3713
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I3713
RCEP B	2022	2022	0	B!D3713
RCEP B	2023	2023	0	B!E3713
RCEP B	2024	2024	0	B!F3713
RCEP B	2025	2025	0	B!G3713
RCEP B	2026	2026	0	B!H3713
RCEP B	2027	2027	0	B!I3713
RCEP C	2022	2022	0	C!D3713
RCEP C	2023	2023	0	C!E3713
RCEP C	2024	2024	0	C!F3713
RCEP C	2025	2025	0	C!G3713
RCEP C	2026	2026	0	C!H3713
RCEP C	2027	2027	0	C!I3713
RCEP D	2022	2022	0	D!D3713

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E3713
RCEP D	2024	2024	0	D!F3713
RCEP D	2025	2025	0	D!G3713
RCEP D	2026	2026	0	D!H3713
RCEP D	2027	2027	0	D!I3713
RCEP E	2022	2022	0	E!D3716
RCEP E	2023	2023	0	E!E3716
RCEP E	2024	2024	0	E!F3716
RCEP E	2025	2025	0	E!G3716
RCEP E	2026	2026	0	E!H3716
RCEP E	2027	2027	0	E!I3716
RCEP F	2022	2022	0	F!D3713
RCEP F	2023	2023	0	F!E3713
RCEP F	2024	2024	0	F!F3713
RCEP F	2025	2025	0	F!G3713
RCEP F	2026	2026	0	F!H3713
RCEP F	2027	2027	0	F!I3713
VIFTA	2024	2024	0	VI!F3406
VIFTA	2025	2025	0	VI!G3406
VIFTA	2026	2026	0	VI!H3406
VIFTA	2027	2027	0	VI!I3406

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	NL làm thuốc XK, NK là chất phóng xạ sử dụng trong ngành y tế (09/2024/TT-BYT-DM6)		09/2024/TT-BYT-DM	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 2844.30 có 2 dòng thuế; dòng 2844.30.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	2844.30.10 Urani đã làm giàu thành U 235 và hợp chất của nó; thori và hợp chất của nó	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2844.30.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 2844.30.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N3726), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
NL làm thuốc XK, NK là chất phóng xạ sử dụng trong ngành y tế (09/2024/TT-BYT-DM6)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.